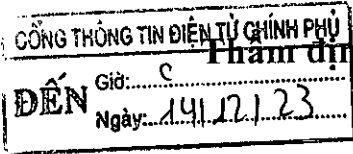


Số: 120/KH-HĐTD

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH



**Hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Thực hiện quy định của pháp luật về quy hoạch, Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 1311/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng); theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 9194/TTr-BKHĐT ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc thẩm định hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng ban hành Kế hoạch thẩm định hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

I. KẾ HOẠCH THẨM ĐỊNH

1. Mục đích

a) Xây dựng tiến độ tổng thể để thực hiện các nhiệm vụ trong quá trình tổ chức thẩm định hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức thực hiện và theo dõi, đôn đốc thực hiện tiến độ thẩm định theo đúng Kế hoạch thẩm định đề ra.

2. Yêu cầu

a) Xác định nhiệm vụ cụ thể, phân công trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; thời gian thực hiện và sản phẩm đầu ra trong quá trình thẩm định hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đề xuất việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia và tổ chức liên quan về nội dung quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong trường hợp cần thiết).

3. Nội dung thẩm định

Thẩm định hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021

- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định tại Điều 32 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và khoản 4 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

4. Các bước thực hiện, nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng và các đơn vị liên quan trong quá trình thẩm định

Theo Phụ lục I đính kèm.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH NỘI DUNG QUY HOẠCH VÙNG

Ngoài việc có ý kiến thẩm định chung đối với hồ sơ Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm cả Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược); các bộ, cơ quan ngang bộ là thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định theo nội dung chi tiết tại Phụ lục II đính kèm và các nội dung khác theo nhiệm vụ, chức năng quản lý.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng thẩm định Quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thẩm định này.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch gửi văn bản có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng thẩm định quy hoạch, Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch đôn đốc triển khai thực hiện các nội dung công việc theo đúng tiến độ tại Kế hoạch thẩm định này; thành viên Hội đồng thẩm định phối hợp chặt chẽ với cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch trình thẩm định theo quy định. Giao cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định phối hợp với các thành viên Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm khẩn trương hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch sau thẩm định theo quy định; phần đầu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng;
- Thành viên Hội đồng thẩm định;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: CN, TH, QHĐP, PL;
- Lưu: VT, HĐTD (2b). *u*





Phụ lục I

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN, NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN, ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH VÙNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THẨM ĐỊNH

(Kèm theo Kế hoạch thẩm định số 120 /KH-HĐTD ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm
1	Xin ý kiến thẩm định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có đại diện là thành viên Hội đồng thẩm định và Ủy viên phản biện đối với hồ sơ quy hoạch vùng (bao gồm cả Báo cáo ĐMC)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hồ sơ trình thẩm định quy hoạch vùng được xác định là hợp lệ	Văn bản đề nghị các Bộ, ngành và Ủy viên phản biện tham gia ý kiến thẩm định
2	Các Bộ, cơ quan ngang bộ và ủy viên phản biện cho ý kiến thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch vùng (bao gồm cả Báo cáo ĐMC).	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và ủy viên phản biện	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hoàn thành trước ngày 10/12/2023	Văn bản tham gia ý kiến thẩm định của các Bộ, cơ quan ngang bộ và ủy viên phản biện
3	Đề xuất và chuẩn bị nội dung tổ chức hội thảo, tọa đàm xin ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, Bộ, ngành đối với nội dung quy hoạch và kết quả đánh giá ĐMC (nếu cần thiết)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; các chuyên gia, nhà khoa học	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định được xác định là hợp lệ	Tổ chức Hội thảo
4	Tổng hợp ý kiến tham gia thẩm định của thành viên Hội đồng và ủy viên phản biện.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thành viên Hội đồng thẩm định, ủy viên phản biện	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được ít nhất ba phần tư (3/4) ý kiến tham gia thẩm định	Báo cáo của Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm
5	Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng bao gồm cả dự thảo Báo cáo thẩm định quy hoạch	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thành viên Hội đồng thẩm định	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được ít nhất ba phần tư (3/4) ý kiến tham gia thẩm định	Tài liệu phiên họp Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng
6	Báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng về thời gian tổ chức phiên họp thẩm định và gửi Giấy mời dự phiên họp của Hội đồng thẩm định (kèm theo theo dự thảo báo cáo thẩm định)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	VPCP, các thành viên HĐTĐ, ủy viên phản biện và tư vấn	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ít nhất ba phần tư (3/4) ý kiến tham gia thẩm định	Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Giấy mời họp Hội đồng thẩm định gửi kèm theo dự thảo báo cáo thẩm định
7	Tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng	Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng	VPCP, thành viên Hội đồng thẩm định, ủy viên phản biện và tư vấn	Theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thẩm định (Dự kiến ngày 20 - 21/12/2023)	Phiên họp của Hội đồng
8	Hoàn thiện biên bản phiên họp và báo cáo thẩm định quy hoạch (trong đó có nội dung thẩm định ĐMC), trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ban hành.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	VPCP, thành viên Hội đồng thẩm định, ủy viên phản biện và tư vấn	Hoàn thành trong 15 ngày kể từ ngày họp thẩm định	Biên bản họp thẩm định và Báo cáo thẩm định quy hoạch
9	Gửi văn bản xin ý kiến rà soát hồ sơ quy hoạch vùng đến các Thành viên hội đồng và ủy viên phản biện	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	VPCP, các thành viên HĐTĐ, ủy viên phản biện và tư vấn	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy hoạch đã được tiếp thu	Văn bản đề nghị rà soát hồ sơ quy hoạch vùng

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện	Sản phẩm
10	Các Bộ, cơ quan ngang bộ có đại diện là thành viên Hội đồng thẩm định, các Ủy viên phản biện cho ý kiến rà soát hồ sơ quy hoạch vùng.	Thành viên Hội đồng thẩm định và ủy viên phản biện	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy hoạch đã được tiếp thu, giải trình	Văn bản rà soát của thành viên Hội đồng và ủy viên phản biện
11	Tổng hợp ý kiến rà soát của thành viên Hội đồng thẩm định và ủy viên phản biện	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thành viên Hội đồng thẩm định, bao gồm cả ủy viên phản biện	Dự kiến trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ ý kiến rà soát	Văn bản tổng hợp ý kiến rà soát của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định.
12	Lưu trữ, bảo quản hồ sơ quy hoạch sau thẩm định	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thành viên Hội đồng thẩm định, bao gồm cả ủy viên phản biện	Dự kiến sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch	Danh mục các tài liệu lưu trữ



Phụ lục II
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH NỘI DUNG QUY HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch thẩm định số 120/KH-HĐTD ngày 11 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng)

TT	Nội dung thẩm định (bao gồm cả sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến từng nội dung)	Phân công trách nhiệm thẩm định
1	Hiện trạng phát triển kinh tế và quan điểm, mục tiêu về phát triển kinh tế của vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Thực trạng phát triển và phương hướng phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	Tiêu chí xác định dự án ưu tiên và bố cục dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch vùng	Các Bộ, ngành
4	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh	Các Bộ, ngành
5	Thực trạng thu chi ngân sách của vùng; Hệ thống kho dự trữ quốc gia trên địa bàn vùng.	Bộ Tài chính
6	Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng, ngành, lĩnh vực khác; phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng	Các Bộ có liên quan đến các ngành, lĩnh vực
7	Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, môi trường và Phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (bao gồm cả phương hướng phát triển các khu bảo tồn)	Bộ Tài nguyên và Môi trường
8	Phương hướng khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông trên lãnh thổ vùng	Bộ Tài nguyên và Môi trường
9	Thực trạng hệ thống đô thị và nông thôn; phương hướng xây dựng hệ thống đô thị, nông thôn	Bộ Xây dựng
10	Phương hướng phân bổ và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước, xử lý nước thải, chuẩn bị kỹ thuật và các khu xử lý chất thải	Bộ Xây dựng
11	Thực trạng phát triển mạng lưới giao thông; phương hướng phân bổ và phát triển mạng lưới giao thông	Bộ Giao thông vận tải
12	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bổ, phát triển mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng.	Bộ Công Thương
13	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bổ và phát triển kết cấu hạ tầng thương mại	Bộ Công Thương
14	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bổ, phát triển mạng lưới viễn thông (bao gồm cả các khu công nghệ thông tin tập trung)	Bộ Thông tin và Truyền thông

TT	Nội dung thẩm định (bao gồm cả sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến từng nội dung)	Phân công trách nhiệm thẩm định
15	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới thủy lợi	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Thực trạng phát triển và phương hướng xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo
19	Thực trạng phát triển và phương hướng xây dựng khu nghiên cứu - đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo
20	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
21	Thực trạng phát triển và phương hướng xây dựng khu du lịch; khu thể dục thể thao; khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
22	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở y tế	Bộ Y tế
23	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề và bảo trợ xã hội	Bộ Lao động, Thương binh và xã hội
24	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển mạng lưới cơ sở khoa học, công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
25	Thực trạng phát triển và phương hướng xây dựng khu công nghệ cao	Bộ Khoa học và Công nghệ
26	Thực trạng phát triển và phương hướng phân bố, phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; các khu vực an ninh trên địa bàn vùng	Bộ Công an
27	Phương hướng đảm bảo quốc phòng; các khu vực quốc phòng trên địa bàn vùng	Bộ Quốc phòng
28	Thẩm định Danh mục dự án ưu tiên thực hiện thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành và tính khả thi của dự án	Các Bộ, ngành
29	Thẩm định Báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tỉnh	Bộ Tài nguyên và môi trường
30	Rà soát nội dung dự thảo quyết định phê duyệt đối với nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành	Các Bộ, cơ quan ngang bộ